

Tên:

Lớp: S3...

Ngày giao bài: Thứ, ngày /

Ngày nộp bài: Thứ, ngày /

Ngữ pháp:

Độc:



Unit 5: Inventions - Grammar Revision

A. GRAMMAR REVISION

❖ **Common verbs followed by infinitives** (Động từ phổ biến theo sau bởi nguyên mẫu)

- **Infinitive** là **to + động từ nguyên mẫu** (không thêm -s, -ing, -ed).

- **Cách dùng:** To + động từ được dùng sau **một số động từ đặc biệt**.

- **Cấu trúc:**

verb + to + verb (nguyên thể)

- Một số động từ phổ biến có nguyên mẫu theo sau là:

want (muốn)	plan (lên kế hoạch)	hope (hy vọng)
She wants to help .	They plan to travel .	My grandmother hopes to see him.

❖ **Infinitive of purpose** (Nguyên mẫu chỉ mục đích)

- **Cách dùng:** thường được dùng để **giải thích mục đích** của một hành động.

- **Cấu trúc:**

to + động từ

- **Ví dụ:**

I'm calling the police ...	→ ... to help him.
She went to school ...	→ ... to study .

❖ **Ask and answer about reasons using “Why” – “Because”** (Hỏi – đáp về lý do dùng “Why” và “Because”)

- **Cách dùng:** + **Why** được dùng để **hỏi lý do**.

+ **Because** được dùng để **trả lời lý do**.

- **Cấu trúc:**

Why + trợ động từ/động từ to be + S + V?	Because + S + V (lý do).
Why didn't you go to school?	Because I was sick.

❖ **Quantifiers** (Lượng từ)

- **Cách dùng:** được dùng để **chỉ số lượng** của một danh từ / cụm danh từ.

Dạng		Ví dụ
Danh từ đếm được số nhiều	Có thể đếm được, thường thêm -s / -es	books, cats, students
Danh từ đếm được số nhiều bất quy tắc	Không theo quy tắc thêm s/es	men, women, teeth
Danh từ không đếm được	Không thể đếm được, thường là chất liệu, khái niệm, thức ăn...	water, advice, rice

Lượng từ	Nghĩa của từ	Cách dùng		Ví dụ
		DT đếm được số nhiều (bất quy tắc)	DT không đếm được	
Some	một vài, một ít	✓	✓	- There are some cats. - I want some coffee.
Many	nhiều	✓		- Many people want it.
A lot of	rất nhiều	✓	✓	- I spent a lot of money. - There are a lot of fans.

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	sail (v)	chèo thuyền	4	hide (v) → hid (v2)	giấu → đã giấu
2	stream (n)	dòng suối	5	suddenly (adv)	đột ngột, bất ngờ
3	cave (n)	hang động	6	Come on! (ex)	Thôi nào!

**Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; v2 = past simple form of the verb: dạng quá khứ đơn của động từ; adv = adverb: trạng từ; ex = expression: cụm từ cảm thán.*

**Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.*

C. HOMEWORK (11 questions)

I. Read the sentences and circle the correct answers. (Đọc câu và chọn đáp án đúng.)

0. I want a doctor in the future.

A. become

B. to become

C. becoming

1. She hopes a new bike on her birthday.

A. getting

B. get

C. to get

2. They went to the library borrow some books.

A. to

B. because

C. why

3. Why are you late? - my bus was slow.

A. Because

B. But

C. And

4. He went to the shop buy some milk.

A. because

B. to

C. for

5. is she studying now? - Because she has a test tomorrow.

A. Who

B. When

C. Why

II. Unscramble the sentences, then make your own sentences.

(Sắp xếp lại các câu cho đúng, sau đó tự viết câu của riêng con.)

0. bought / We / apples / yesterday. / a lot of

→ We bought a lot of apples yesterday.

1. some / wants / She / water.

→

2. There / in the classroom. / many / are / students

→

3. at home. / He / a lot / has / of / toys

→

* Make your own sentences using some / many / a lot of

4. (some)

→

5. (many)

→

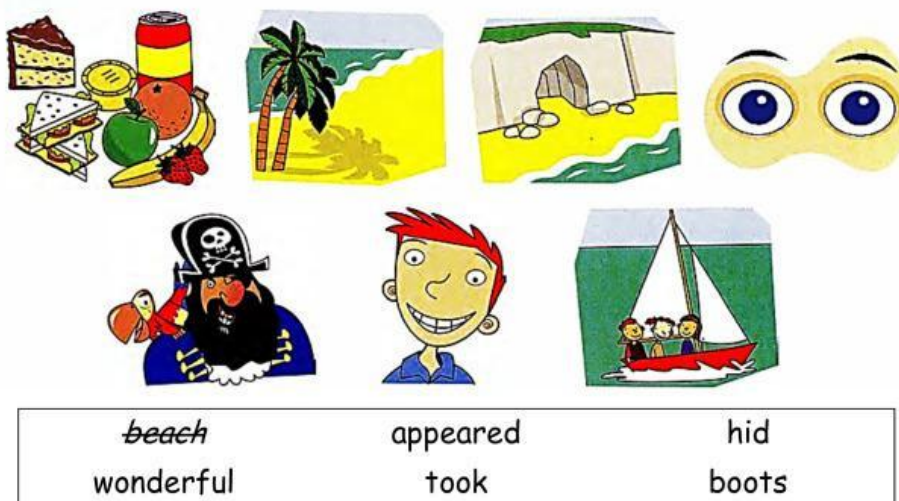
6. (a lot of)

→

CAMBRIDGE READING PRACTICE

Part 3 - 6 questions

Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1-5.



Every summer, Jim goes to the (0) beach with his parents and two cousins, Emma and Alice.

One afternoon they all sailed to a little island. They (1) some cheese sandwiches, salad, and strawberries and ate their picnic on some rocks next to a small stream.

Then Emma said to Jim and Alice, 'Let's go for a walk along the sand. We might find something really exciting there.'

'Cool!' said Alice and Jim. They found a big dark cave where the waves went in and out.

'Perhaps an enormous octopus or a scary jellyfish lives in here!' Jim whispered.

Emma laughed. 'Or perhaps pirates came in a huge ship and (2) their gold and silver treasure here!' she said.

The children spent a long time finding shells deep between the rocks there. When they were getting ready to leave, a man suddenly (3) in the entrance. He was wearing black (4) on his feet and looked very tall.

'Oh no! It's a pirate!' Sarah said.

'Don't worry! It's me!' Jim's dad called.

'Wow! What a (5) place! But come on! It's time to go home!'

(6) Now choose the best name for the story. Tick one box.

- ☐ Our sailing game
- ☐ Fun on the island
- ☐ A boring trip